

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17- 3- 2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng;

2. Bà Phan Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1014/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1964; nơi cư trú: số nhà 56, tổ 02, ấp LQ1, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: số nhà 534, tổ 06, ấp BM, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang (có mặt).

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1964; nơi cư trú: số nhà 56, tổ 02, ấp LQ1, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết H trình bày: Bà và ông Nguyễn Trung T cưới nhau vào năm 1999, đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, hôn nhân do mai mối và được cha mẹ quyết định. Thời gian sống chung vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cãi nhau nên đã ly thân khoảng 01 năm. Thấy tình cảm không còn bà

yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung T; về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trung T, sinh ngày 27/3/2001 đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết và Nguyễn Tâm Hồng N, sinh ngày 24/11/2006 hiện đang sống chung với chồng. Khi ly hôn bà đồng ý để chồng được nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Trung T đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vắng mặt không lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông về nội dung đơn khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Tuyết H khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Trung T. Ông Tâm có nơi cư trú tại ấp LQ1, xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trung T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết H và ông Nguyễn Trung T kết hôn trên cơ sở mai mối và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LDB, huyện CM, tỉnh An Giang vào năm 2002 theo quy định nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ lời trình bày của bà Hồng, sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Trong thời gian sống ly thân gia đình hai bên không hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Nguyễn Trung T đã được tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn và thông báo đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà H và vắng mặt không lý do. Điều này thể hiện vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà H xác định bà và ông Tâm có 02 con chung tên Nguyễn Trung T, sinh ngày 27/3/2001 đã thành niên và Nguyễn Tâm Hồng N, sinh ngày 24/11/2006. Sau khi ly hôn, bà Hồng đồng ý để ông Tâm được chăm

sóc, nuôi dưỡng cháu Ngân. Hội đồng xét xử xét thấy, từ lúc ly thân đến nay ông Tâm là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên tình cảm tâm tư gắn liền với người nuôi dưỡng, cháu được đi học và phát triển bình thường. Mặc khác, trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Ngân, qua ghi nhận cháu có nguyện vọng được sống với cha. Do đó, cần để ông Tâm được tục nuôi cháu Nguyễn Tâm Hồng N là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của con. Riêng đối với cháu Nguyễn Trung T do bà H xác định cháu đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Do ông Nguyễn Trung T không không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết H.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Tuyết H được ly hôn bà ông Nguyễn Trung T. Giấy chứng nhận kết hôn số 138 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện CM, tỉnh An Giang cấp ngày 30/12/2002 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Ông Nguyễn Trung T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tâm Hồng N, sinh ngày 24/11/2006. Bà Nguyễn Thị Tuyết H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Trung T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Tuyết H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0009134 ngày 23/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM. Bà H đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. CM;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. CM;
- UBND xã Long Điền B, huyện CM,
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Dương

